

Số: 159 /BV-VT-TTBYT

Bạc Liêu, ngày 01 tháng 03 năm 2024

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm Vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm và sinh phẩm y tế với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Tên đơn vị: Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu,
- Địa chỉ: số 6, Nguyễn Huệ, Phường 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Họ và tên: ThS.KS. Phạm Thành Luân,
- Chức vụ: Trưởng phòng VT-TTBYT,
- Điện thoại: 0977.979.130
- Địa chỉ mail: luan.bme@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Gửi bản cứng về địa chỉ: Số 06, Nguyễn Huệ, Phường 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu. (Người nhận: DS. Tô Ngọc Đào, phòng VT-TTBYT, ĐT: 0947.397.776).
- Nhận qua email: pvtttbyt.bl@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 01 tháng 03 năm 2024 đến trước 17h ngày 01 tháng 03 năm 2024

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày, kể từ ngày ... tháng 03 năm 2024

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục hàng hóa:

- Phụ lục 1: Danh mục Vật tư y tế (theo phụ lục đính kèm).
- Phụ lục 2: Danh mục Hóa chất xét nghiệm (theo phụ lục đính kèm).

2. Địa điểm cung cấp, giao hàng hóa: Tại Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu (Số 06, Nguyễn Huệ, Phường 3, TP. Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu).

3. Thời gian giao hàng dự kiến: bắt đầu giao hàng từ tháng 05/2024 đến tháng 01/2025

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Chứng từ thanh toán phải phù hợp với các quy định của pháp luật.

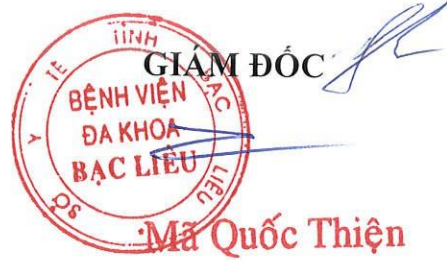


5. Các thông tin khác:

Các đơn vị cung cấp báo giá qua email yêu cầu gửi kèm theo file mềm để thuận tiện cho Chủ đầu tư cập nhật thông tin.

Nơi nhận:

- Như trên.
- Website Bệnh viện;
- Lưu VT, VT-TTBYT.



Phụ lục 1:**Danh mục vật tư y tế**

(Đính kèm công văn Số: 159/BV-VT-TTBYT ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu)

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bao vải huyết áp	Dùng thay thế bao vải trong bộ huyết áp.	Cái	200
2	Bộ quả lọc máu liên tục có gắn heparin	Chất liệu: Màng lọc cấu tạo 3 lớp: + Sợi rỗng AN69 (Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer). + PolyethyleneImine (PEI). + Bề mặt sợi lọc được gắn heparin. Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate. - Vách đầu quả lọc: Polyurethane. Ống dẫn: PVC. - Cartridge: PETG. Tiệt trùng: EtO (ethylene oxide). Thông số kỹ thuật của quả lọc. - TMP tối đa* (mmHg/kPa): 450/60. - Áp lực máu tối đa (mmHg/kPa): 500/66,6. - Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 193 ml. Diện tích màng: $1,5m^2$. - Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): $240\mu m$. Độ dày thành sợi lọc: $50\mu m$. - Tốc độ máu: 100 - 450 ml / phút, tương thích với máy lọc máu liên tục Prismaflex	Bộ	10
3	Bộ quả lọc máu liên tục dùng cho người lớn	Quả lọc máu liên tục kèm bộ dây dẫn: Chất liệu: Sợi lọc AN69 HF: Acrylonitrile và sodium methallyl sulfonate copolymer. Vỏ và đầu quả lọc: Polycarbonate. Ống dẫn: PVC. Cartridge: PETG. Tiệt trùng: ethylene oxide. Thông số kỹ thuật của quả lọc: Thể tích máu trong quả lọc ($\pm 10\%$): 152 ml. Diện tích màng hiệu dụng: $0,9m^2$. Đường kính trong của sợi lọc (khi ướt): $240\mu m$. Độ dày thành sợi lọc: $50\mu m$. Tốc độ máu: 75 - 400 ml/phút. Thể tích mỗi máu (chỉ ở quả lọc): $66 ml \pm 10\%$. Tiệt trùng, tương thích với máy lọc máu liên tục Prismaflex	Bộ	100
4	Canuyn mở khí quản hai nòng	Có bóng chèn, có hút trên cuff, không cửa sổ. Nòng trong chất liệu nhựa y tế độ bền cao, nòng ngoài cứng cáp, có đầy đủ các size 5, 6, 7, 8	Cái	100
5	Catheter tĩnh mạch rốn	Catheter chất liệu PVC, dài 37cm, cỡ 3.5 Fr, tốc độ dòng truyền dịch $>6ml/ phút$	Cái	250
6	Chỉ Chromic catgut 4-0 có kim	Chỉ tan chậm tự nhiên số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm	Tép	480
7	Chỉ phẫu thuật polyglactin 910 số 3/0	Đa sợi Polyglactine 910 dài 75cm($\pm 5\%$), kim tròn đầu tròn, có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim, bằng thép có phủ silicone, dài 26 mm ($\pm 5\%$), 1/2 vòng tròn, tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương	Miếng	1.800

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
8	Khuôn đúc mẫu mô (cassette nhựa)	Chất liệu nhựa Polymer Acetal. Loại lỗ: lỗ vuông hoặc lỗ dạng khe, kích thước 1x1mm. Cassette có nắp rời hoặc dính liền, nắp có bản lề khóa có thể đảo ngược lại. Kích thước cassette: 41x28, 25x7mm.	Cái	19.000
9	Kim châm cứu	Chất liệu: bằng thép không gỉ, tiết trùng KCC 3 cm: Đường kính 0.25mm, dài 3 cm(14 cây), KCC 4.5cm: Đường kính 0.25mm, dài 4.5cm (10 cây), KCC 7cm: Đường kính 0.3mm dài 7cm (4 cây), KCC 10cm: Đường kính 0.3mm, dài 10cm (2 cây). Bộ/30 cây	Bộ	1.200
10	Kim châm cứu 3cm	Chất liệu: bằng thép không gỉ, tiết trùng. Dài 3cm, đường kính 0.25mm. Bộ/60 cây	Bộ	1.500
11	Kim châm cứu 4.5cm	Chất liệu: bằng thép không gỉ. Dài 4.5cm, đường kính 0.25mm, tiết trùng. Bộ/60 cây	Bộ	5.000
12	Lưỡi nạo VA	Dùng trong nạo VA (sử dụng phù hợp với thiết bị hiện có Bệnh viện)	Cái	30
13	Miếng cầm máu mũi, có ống thở	Thành phần: Hydroxilated Poly-Vinyl Acetate, khả năng thấm hút lên đến 21 lần trọng lượng của nó trong chất lỏng. Kích thước 8cm x 1,5cm x 2cm, tiết trùng.	Cái	100
14	Miếng dán sau phẫu thuật 25cm x 10cm	Chất liệu polyurethane, có lớp băng hút dịch, chống dính, chống thấm nước, ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập, kích thước: 25cm x 10cm ($\pm 5\%$), vô khuẩn, đóng gói riêng	Cái	500
15	Miếng dán sau phẫu thuật 30cm x 10cm	Chất liệu polyurethane, có lớp băng hút dịch, chống dính, chống thấm nước, ngăn ngừa vi khuẩn xâm nhập, kích thước: 30cm x 10cm ($\pm 5\%$), vô khuẩn, đóng gói riêng	Cái	500
16	Mở khí quản 2 nòng, dùng nhiều lần, không bóng, không có lỗ thông khí	Ống mở khí quản được làm bằng nhựa polyurethane (PU), đủ số	Cái	30
17	Mũi khoan hàm mặt	Chất liệu thép không gỉ, đường kính 1.5mm, dùng cho vít đường kính 2.0mm, độ dài 50mm ($\pm 5\%$), độ dừng 9mm. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương. Đồng bộ với vít Titanium đường kính 2.0mm	Cái	50
18	Mũi khoan xương số 2.7mm	Chuôi thẳng	Cái	200

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
19	Nẹp chữ L 4 lỗ bắc cầu ngắn, quay phải, vít 2.0 mm	Chất liệu Titanium nguyên chất, quay phải góc 90 độ, dày 1.0mm, vít đường kính 2.0mm, có khả năng chống từ trường, nên có thể chụp MRI, dùng tương thích với vít Titanium đường kính 2.0mm. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485. (Hoặc tương đương)	Cái	50
20	Nẹp chữ L 4 lỗ bắc cầu ngắn, quay trái, vít 2.0 mm	Chất liệu Titanium nguyên chất, quay trái góc 90 độ, dày 1.0mm, vít đường kính 2.0mm, có khả năng chống từ trường, nên có thể chụp MRI, dùng tương thích với vít Titanium đường kính 2.0mm. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 (Hoặc tương đương)	Cái	50
21	Nẹp lõi cầu 5 lỗ	Chất liệu Titanium nguyên chất, kích thước 20x13mm, 5 lỗ, 2 lỗ hình ovan, dày 1.0mm, vít đường kính 2.0mm, có khả năng chống từ trường, nên có thể chụp MRI, dùng tương thích với vít Titanium đường kính 2.0mm. Tiêu chuẩn: CE, ISO 13485. (Hoặc tương đương)	Cái	20
22	Nẹp thẳng 16 lỗ	Chất liệu Titanium nguyên chất, dày 1.0mm ($\pm 0.1\%$), vít đường kính 2.0mm, có khả năng chống từ trường, nên có thể chụp MRI, dùng tương thích với vít Titanium đường kính 2.0mm. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 (Hoặc tương đương)	Lỗ	1.000
23	Ống li tâm máu (Haematokrit)	Chất liệu: thủy tinh, thành phần chứa Natri heparin Ống lấy máu xét nghiệm Haematokrit (75mm/75 μ l)	Cái	22.000
24	Ống thông khí tai	Chất liệu nhựa Fluoroplastic, đường kính 1,14mm, màu trắng hoặc màu xanh, tiệt trùng.	Cái	5
25	Ống thông khí tai	Chất liệu nhựa Fluoroplastic, đường kính 1,27mm, màu trắng hoặc màu xanh, tiệt trùng.	Cái	5
26	Quả bóp huyết áp có van	Chất liệu cao su y tế, đóng gói riêng từng, có van.	Cái	200
27	Vít Titanium đường kính 2.0mm	Chất liệu Ti-6Al-4V, đường kính 2.0mm, dài 6mm (± 0.5 mm), tự taro, đầu vít kiểu chữ thập có lỗ hình trụ ở trung tâm để tăng độ bám giữa vít và tua vít, có khả năng chống từ trường, nên có thể chụp MRI, dùng tương thích với các loại nẹp hệ thống vít đường kính 2.0mm. Tiêu chuẩn CE, ISO 13485 (Hoặc tương đương)	Cái	1.500



Phụ lục 2:

Danh mục Hóa chất xét nghiệm

(Đính kèm công văn Số: 159 /BV-VT-TTBYT ngày 01 tháng 03 năm 2024 của Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu)

STT	Tên Hóa chất xét nghiệm	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng dự kiến
1	Formol trung tính 10%	Thành phần: Formaldehyde, methyl Alcohol, Sodium phosphate dibasic, Sodium phosphate monobasic, nước, pH ổn định 6,8-7,2	Lít	100
2	Chất xử lý tế bào	Can/3,8 lít. Thành phần: hỗn hợp của Isoparaffinic và hydrocarbon, không benzen. Sử dụng được cho tất cả các máy xử lý mô và máy nhuộm tự động	Can	27
3	Chất gắn, cố định tế bào Parafin Type 6	Thành phần: Paraffin waxes và Hydrocarbon waxes, Microcrystalline wax, 2,6-Di-tert-butyl-p-cresol. Chất rắn màu trắng ở nhiệt độ phòng và chất lỏng trong suốt, không màu khi nóng chảy. Nhiệt độ nóng chảy ổn định: 55-57oC	Kg	63
4	eMic Colistin	Xác định giá trị MIC kháng sinh.	Lọ	5
5	Card kháng sinh đồ AST-N428 (424320)	Dùng phù hợp cho máy Vitek2	Hộp	40
6	Bột tal y tế	Bịch/1kg, Hóa chất dùng trong giải phẫu bệnh / xét nghiệm. Tiêu chuẩn y tế.	Kg	70
7	Cloramin B	Hàm lượng Clo hoạt tính/Active chlorine: 25%. Bịch/1kg, dùng trong khử khuẩn nước thận nhân tạo	Kg	60